

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017



HÀ NỘI, THÁNG 07 NĂM 2017

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 142 417

Fax: (84-4) 38 560 629

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2017

đến ngày 30/6/2017

Mẫu số B 01 - DN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		510,303,179,554	496,467,587,596
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	11,401,638,404	6,901,419,306
1 Tiền	111		11,401,638,404	6,901,419,306
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		193,622,000,000	93,984,000,000
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		193,622,000,000	93,984,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		238,955,734,569	290,047,295,959
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	123,162,641,519	228,040,559,853
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	53,266,575,944	41,006,296,275
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	108,907,537,518	64,591,683,689
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(46,381,020,412)	(43,591,243,858)
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	62,739,807,022	97,128,952,086
1 Hàng tồn kho	141		62,739,807,022	97,128,952,086
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,583,999,559	8,405,920,245
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3,708,294	1,115,306,884
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		952,985,212	5,003,284,273
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.15	2,627,306,053	2,287,329,088
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		454,788,742,996	465,378,399,668
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
3 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	V.05	-	-
II. Tài sản cố định	220		14,027,927,994	16,140,210,439
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	13,966,350,141	16,039,091,747
- Nguyên giá	222		32,752,114,304	32,752,114,304
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18,785,764,163)	(16,713,022,557)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.11	61,577,853	101,118,692
- Nguyên giá	228		833,820,000	833,820,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(772,242,147)	(732,701,308)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	108,219,000	108,219,000
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		108,219,000	108,219,000
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	423,583,297,225	428,583,297,225
1 Đầu tư vào công ty con	251		461,522,690,757	461,522,690,757
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		54,263,592,152	54,263,592,152
3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		28,883,043,675	28,883,043,675
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(121,086,029,359)	(116,086,029,359)
V. Tài sản dài hạn khác	260		17,069,298,777	20,546,673,004
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	17,069,298,777	20,546,673,004
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		965,091,922,550	961,845,987,264

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 142 417

Fax: (84-4) 38 560 629

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2017

đến ngày 30/6/2017

Mẫu số B 01 - DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017	01/01/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		275,170,863,878	277,151,662,303
I. Nợ ngắn hạn	310		275,022,995,028	277,044,928,803
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	146,095,228,092	168,745,757,309
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	51,650,990,067	7,168,542,748
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1,223,625,265	2,576,887,785
4 Phải trả người lao động	314		2,917,843,320	6,626,385,858
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	27,988,200,828	30,230,813,877
6 Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.17	-	-
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	34,394,799,040	34,247,147,962
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	2,463,913,287	18,321,998,135
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	3,738,273,147	3,738,273,147
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4,550,121,982	5,389,121,982
II. Nợ dài hạn	330		147,868,850	106,733,500
7 Phải trả dài hạn khác	337	V.12	55,000,000	106,733,500
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		689,921,058,672	684,694,324,961
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	689,921,058,672	684,694,324,961
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		550,000,000,000	550,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		550,000,000,000	550,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1,812,761)	(1,812,761)
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		139,922,871,433	134,696,137,722
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		132,833,341,433	107,658,405,623
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		7,089,530,000	27,037,732,099
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		965,091,922,550	961,845,987,264

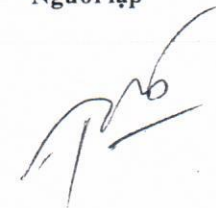
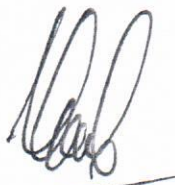
Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2017

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc


Lê Đức Thọ

Hoàng Thế Hiến

Hoàng Chí Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/6/2017

Đơn vị tính: VND

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế đến cuối kỳ	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	79,300,845,002	113,708,515,078	160,197,812,155	149,645,086,311
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		79,300,845,002	113,708,515,078	160,197,812,155	149,645,086,311
	(10=01-02)					-	
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	72,495,826,927	108,575,742,910	148,349,956,064	142,714,926,386
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6,805,018,075	5,132,772,168	11,847,856,091	6,930,159,925
	(20=10-11)					-	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16,562,509,914	43,187,974,227	17,362,080,423	44,055,260,807
7	Chi phí tài chính	22	VI.4	5,811,456,875	30,105,262,074	5,954,939,410	30,105,262,074
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		811,456,875	105,262,074	954,939,410	105,262,074
8	Chi phí bán hàng	24		-		-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	10,670,715,010	10,811,792,787	16,425,601,615	13,885,929,787
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,885,356,104	7,403,691,534	6,829,395,489	6,994,228,871
	(30=20+(21-22)-(24+25))					-	
11	Thu nhập khác	31	VI.5	206,284,259	55,600,000	309,375,168	553,327,273
12	Chi phí khác	32	VI.6	11,510,100	94,033,418	49,240,657	111,289,028
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		194,774,159	(38,433,418)	260,134,511	442,038,245
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		7,080,130,263	7,365,258,116	7,089,530,000	7,436,267,116
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9			-	-
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7,080,130,263	7,365,258,116	7,089,530,000	7,436,267,116
	(60=50-51-52)						
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10				

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2017

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Người lập



Lê Đức Thọ

Kế toán trưởng



Hoàng Thế Hiền

Tổng giám đốc



Hoàng Chí Cường

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
 cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/6/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2017 đến 31/3/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7,080,130,263	9,399,737
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		762,424,005	647,752,361
- Các khoản dự phòng	03		7,789,776,554	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1,812,761	1,812,761
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16,562,509,914)	(799,570,509)
- Chi phí lãi vay	06		811,456,875	(143,482,535)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(116,909,456)	(284,088,185)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		73,415,183,157	74,880,711,305
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		30,445,618,942	14,449,620,859
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		69,952,383,292	(8,709,808,025)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4,054,027,611	534,945,206
- Tiền lãi vay đã trả	14		(811,456,875)	(143,482,535)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2,069,080,549	70,363,636
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		11,510,100	19,354,441
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		179,019,437,320	80,817,616,702
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(193,622,000,000)	(63,308,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16,562,509,914	799,570,509
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(177,059,490,086)	(62,508,429,491)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		2,463,913,287	3,772,278,018
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3,772,278,018)	(18,229,129,284)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1,308,364,731)	(14,456,851,266)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		651,582,503	3,852,335,945
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10,751,868,662	6,901,345,478
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		(1,812,761)	(1,812,761)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	11,401,638,404	10,751,868,662

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2017

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Lê Đức Thọ

Hoàng Thế Hiền

Hoàng Chí Cường

